

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS - ST
Ngày: 13 -3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi
2. Ông Nguyễn Thế Hanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại nhà trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/HSST ngày 12/2/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/HSST- QĐ ngày 27/2/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 tại Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T huyện H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Văn H1 và bà Bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là Phạm Thị S1 và 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân: - Ngày 18/8/2010, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương xử phạt 24 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”(nộp án phí ngày 30/9/2010, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2012).

- Ngày 31/7/2013, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù, về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” (nộp án phí ngày 16/9/2013 chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/9/2015).

Bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 10/01/2018 đến nay. Có mặt.

2. Lê Văn D, sinh năm: 1968 tại Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Lê Văn C1 và bà bà Đỗ Thị C2 (*đã chết*); có vợ là Đỗ Thị T1 và 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 10/01/2018 đến nay. Có mặt.

+ *Người bị hại:*

1. Ông Lê Văn TH, sinh năm 1963

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

Đều trú tại: Xóm 6, xã S, huyện H, tỉnh Hải Dương. (ông TH có mặt, ông TH đại diện cho bà L, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 07/12/2017, Lê Văn D cầm đèn pin đi bộ từ nhà sang vườn nhà Nguyễn Văn H ở cùng thôn, rủ H đi soi ốc. D, H đi ra bãi soi ngoài đê thấy khu vườn lập của ông Lê Văn TH (vợ là Nguyễn Thị L) ở cùng thôn có trồng cây đinh lăng, cao khoảng 1m, đường kính khoảng 03 đến 05cm, không có người trông giữ. D rủ H trộm cây đinh lăng đem bán lấy tiền tiêu xài. D, H dùng tay nhỏ được khoảng 5 đến 6 cây thì D thấy có 01 chiếc xẻng vuông, dài khoảng 1,2m cán bằng sắt để ở vườn, D cầm xẻng đào cây đinh lăng, H nhặt cây đinh lăng, lấy dây bó lại. Đến khoảng 1 giờ ngày 08/12/2017, D đào được 142 cây đinh lăng. H bó được 08 bó. D để xẻng tại vườn rồi cùng với H đem cây đinh lăng trộm cắp được ra bờ sông Thái Bình. H lấy 01 chiếc thuyền gỗ buộc bên bờ sông (*không rõ của ai*). D, H cho cây đinh lăng xuống thuyền. H chèo thuyền chở sang bờ sông khu vực bến phà G (cũ) thuộc thôn B, xã HĐ, huyện H cất giấu rồi chèo thuyền quay lại buộc trả chỗ cũ. Khoảng 8 giờ cùng ngày, D đi xe máy kiểu dáng Wave, nhãn hiệu WIFE, biển số 34L8-14xx đến chỗ cất giấu cây đinh lăng. D mượn 01 dao rựa bằng sắt, dài 38cm, rộng 6cm của một người thuyền chài (*không rõ tên, tuổi*) chặt củ cây đinh lăng. Ông TH phát hiện tài sản bị mất nên đã đi tìm thấy D đang chặt củ cây đinh lăng. Ông TH đã yêu cầu D

về Công an xã S làm việc. D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số xx/KL-HĐGTS ngày 25/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Tổng giá trị 142 cây đinh lãng là 9.255.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 18/VKS - HS ngày 12/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Nguyễn Văn H, Lê Văn D về tội " *Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không thắc gì. Bị cáo D thừa nhận là người khởi xướng việc trộm cắp cây đinh lãng. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, Bị cáo H, D cho rằng đã trả lại toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt cho người bị hại.

Người bị hại xác định đã nhận lại số tài sản bị mất, tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường bất kỳ một khoản chi phí nào.

Đại diện Viện kiểm sát phân tích chứng cứ tại hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H phạm tội : " *Trộm cắp tài sản*"

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H từ 07 - 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10.01.2018.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

+ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 con dao rựa bằng sắt dài 38 cm, rộng 06 cm; 01 chiếc đèn pin.

- Tịch thu phát mại lấy tiền sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe máy..

+ Án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các bản cung trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai những người bị hại về thời gian, địa điểm, loại tài sản các bị cáo chiếm đoạt, cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: “Khoảng 23 giờ, ngày 07/12/2017, tại khu vườn lập bãi soi ngoài đê ở thôn T, xã S, huyện H. Lợi dụng sơ hở, Lê Văn D, Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt của ông Lê Văn TH 142 cây đinh lăng, trị giá là 9.255.000 đồng”. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, việc truy tố của Viện kiểm sát Nhân dân huyện H hoàn toàn có căn cứ, đúng Pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. So sánh, đối chiếu mức hình phạt khởi điểm quy định về tội “*Trộm cắp tài sản*” ở khoản 1 của hai Bộ luật là bằng nhau. Để áp dụng thống nhất pháp luật cần áp dụng các chế định của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 lượng hình đối với các bị cáo cho phù hợp

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự an xã hội, gây tâm lý không tốt trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ tư lợi cá nhân, cần có mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo D là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, thực hiện hành vi tích cực nên giữ vai trò chính. Bị cáo H giữ vai trò thứ hai.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo H có 02 tiền án đã được xóa không xem xét để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả người bị hại áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất hành vi, điều kiện kinh tế cũng như nhân thân các bị cáo không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 con dao rựa, 01 đèn pin, 01 chiếc xe máy.

+ Đối với con dao rựa và chiếc đèn pin là công cụ, các bị cáo dùng vào việc phạm tội, con dao rựa bị cáo D mượn của người thuyền chài (không xác định được ai) có giá trị không lớn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với chiếc xe máy là của bị cáo D, các bị cáo có ý thức sử dụng làm phương tiện chở cây đing lăng đi tiêu thụ, còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu phát mại lấy tiền sung quỹ nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phạm tội phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Luật phí, lệ phí năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 8 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/01/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 10/01/2018

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

4. Về Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 con dao rựa bằng sắt; 01 chiếc đèn pin.
- Tịch thu chiếc xe máy BKS 34L8-1451 phát mại lấy tiền sung quỹ nhà nước.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H với Chi cục thi hành án dân sự huyện H).

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp Hải Dương;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;;
- Bị cáo ;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mạc Duy Phú